

Số: 182/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 3 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ
của Trường Đại học Nha Trang**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và qui định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Xét đề nghị của Hội đồng Khoa học – Đào tạo và Trường khoa Sau Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Nha Trang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/4/2015.

Điều 3. Các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, SDH.

HIỆU TRƯỞNG



QUY ĐỊNH

TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

(Ban hành tại Quyết định số 182 /QĐ-ĐHNT ngày 16/3/2015
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

Chương 1: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định các nội dung liên quan đến công tác tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Nha Trang, bao gồm: quy định chung, công tác đề thi, công tác coi thi, công tác chấm thi, công tác xét tuyển, công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

2. Quy định này cụ thể hóa các quy định liên quan đến tuyển sinh trong Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành tại Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Những nội dung không được đề cập đến trong Quy định này sẽ thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Quy định này áp dụng đối với các đơn vị và cá nhân tham gia công tác tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Nha Trang.

Điều 2. Phương thức và số đợt tuyển sinh

1. Phương thức tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ gồm:

- a. Thi tuyển đối với người Việt Nam;
- b. Xét tuyển đối với người nước ngoài, thực hiện theo Điều 25 của Quy định này.

2. Số đợt tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ: tối đa 2 đợt mỗi năm.

Điều 3. Đối tượng và điều kiện dự thi

Đối tượng dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải đáp ứng điều kiện sau:

1. Về văn bằng:

a. Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ;

b. Đã tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành, chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ;

c. Đã tốt nghiệp đại học ngành khác dự thi vào ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý;

d. Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành (Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp, ban hành tại văn bản số 21/VBHN-BGDĐT ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

2. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn:
 - a. Tùy theo yêu cầu của từng ngành, chuyên ngành đào tạo, trên cơ sở đề nghị của Hội đồng khoa học đào tạo, Hiệu trưởng quy định cụ thể điều kiện về thời gian làm việc chuyên môn để tích lũy kinh nghiệm thực tiễn trước khi đăng ký dự thi;
 - b. Trường hợp người có bằng tốt nghiệp ngành khác đăng ký dự thi vào ngành, chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý thì phải có tối thiểu 2 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi;
 - c. Yêu cầu về kinh nghiệm công tác chuyên môn được Trường công bố trong Thông báo tuyển sinh.
3. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.
4. Có đủ sức khỏe để học tập.
5. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Trường.

Điều 4. Ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác với ngành, chuyên ngành dự thi

1. Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành dự thi khi có cùng tên trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ hoặc chương trình đào tạo của 2 ngành này ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.
2. Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành gần với ngành, chuyên ngành dự thi khi cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo Việt Nam cấp III (trừ trường hợp đã được quy định tại Khoản 1 Điều này) hoặc chương trình đào tạo của 2 ngành này ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.
3. Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành khác với ngành dự thi khi không cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo Việt Nam cấp III (trừ trường hợp đã được quy định tại Khoản 2 Điều này).
4. Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác với ngành, chuyên ngành dự thi được Trường công bố trong Thông báo tuyển sinh. Trường hợp ngành tốt nghiệp đại học của người đăng ký dự thi không có trong danh mục trên, Khoa Sau Đại học sẽ gửi hồ sơ của người đăng ký dự thi cho khoa, viện quản lý ngành đào tạo để xác định.

Điều 5. Học bổ sung kiến thức

1. Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác với ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ phải học bổ sung kiến thức cơ sở và chuyên ngành của chương trình đào tạo trình độ đại học ngành đúng.
2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức và kế hoạch học bổ sung kiến thức được Trường công bố trong Thông báo tuyển sinh.

Điều 6. Các môn thi tuyển sinh và điều kiện miễn thi môn ngoại ngữ

1. Các môn thi tuyển sinh gồm:

- a. Môn ngoại ngữ: Anh văn;
- b. Môn cơ bản: Toán cao cấp;
- c. Môn cơ sở: là học phần cơ sở hoặc tích hợp một số học phần cơ sở của chương trình đào tạo trình độ đại học cùng ngành với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ.

2. Miễn thi môn ngoại ngữ: Thí sinh được miễn thi môn ngoại ngữ nếu có văn bằng hoặc chứng chỉ ngôn ngữ Anh thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a. Bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo là ngôn ngữ Anh, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành (Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp, ban hành tại văn bản số 21/VBHN-BGDĐT ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);

- b. Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ Anh;

- c. Chứng chỉ trình độ ngôn ngữ Anh trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày dự thi. Cụ thể: chứng chỉ ngôn ngữ Anh (do tổ chức khảo thí quốc tế cấp): TOEFL PBT 450 điểm, TOEFL CBT 133 điểm, TOEFL iBT 45 điểm, IELTS 4.5 điểm, TOEIC 450, Preliminary English Test (PET), Business English Certificate (BEC) Preliminary, BULATS 40 điểm trở lên.

Điều 7. Đối tượng và mức ưu tiên

1. Đối tượng ưu tiên:

- a. Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- b. Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

- c. Con liệt sĩ;

- d. Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

- đ. Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này;

- e. Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

2. Mức ưu tiên: Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Khoản 1 Điều này (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi 10 điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ và cộng 1 điểm (thang điểm 10) cho môn cơ bản.

Điều 8. Thông báo tuyển sinh

1. Chậm nhất 3 tháng trước ngày thi tuyển sinh, Trường ra thông báo tuyển sinh. Thông báo tuyển sinh được đăng trên website của Trường; trên báo và đăng trên website của Bộ Giáo dục và Đào tạo (gửi qua địa chỉ: duatin@moet.edu.vn).

2. Nội dung thông báo tuyển sinh gồm:

- a. Điều kiện dự thi;

- b. Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần, ngành khác được dự thi theo từng ngành, chuyên ngành đào tạo;
- c. Chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành, chuyên ngành đào tạo;
- d. Các môn thi tuyển sinh, đề cương môn thi và dạng thức đề thi;
- đ. Môn thi được cộng điểm ưu tiên;
- e. Hồ sơ đăng ký dự thi;
- g. Địa điểm, thời gian nhận hồ sơ, lịch thi tuyển;
- h. Thời điểm công bố kết quả tuyển sinh;
- i. Khai giảng khóa học và thời gian đào tạo;
- j. Các thông tin cần thiết khác đối với thí sinh trong kỳ thi tuyển sinh.

Điều 9. Đăng ký dự thi và xét duyệt hồ sơ đăng ký dự thi

1. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm:
 - a. Đơn đăng ký dự thi (theo mẫu);
 - b. Bản sao (có chứng thực) bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm (2 bản);
 - c. Sơ yếu lý lịch (theo mẫu);
 - d. Giấy chứng nhận sức khỏe;
 - đ. Các giấy tờ pháp lý về đối tượng ưu tiên (nếu có);
 - e. 03 ảnh làm thẻ CMND, cỡ (4 x 6) cm.
2. Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký dự thi kèm lệ phí dự thi cho Trường chậm nhất là 30 ngày trước ngày thi môn đầu tiên.
3. Trường tổ chức xét duyệt và công khai trên website chậm nhất 3 tuần trước ngày thi môn đầu tiên các nội dung sau:
 - a. Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi;
 - b. Danh sách thí sinh được miễn thi môn ngoại ngữ;
 - c. Danh sách thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên.Thí sinh không đủ điều kiện dự thi không được nhận lại hồ sơ đăng ký dự thi và lệ phí đăng ký dự thi đã nộp.
4. Trường lập danh sách thí sinh dự thi theo từng phòng thi, làm thẻ dự thi, và thông báo lịch thi cụ thể trên website chậm nhất 15 ngày trước ngày thi môn đầu tiên.

Điều 10. Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc

1. Hội đồng tuyển sinh do Hiệu trưởng quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Trường khoa Sau Đại học.
2. Thành phần Hội đồng gồm:
 - a. Chủ tịch hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền;
 - b. Phó chủ tịch hội đồng: Phó Hiệu trưởng;
 - c. Ủy viên thường trực: Trường hoặc phó trường khoa Sau Đại học;
 - d. Các ủy viên: một số trưởng hoặc phó đơn vị cấp trường có liên quan trực tiếp đến kỳ thi và các trưởng hoặc phó trường khoa, viện có đào tạo trình độ thạc sĩ.Người có bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột dự thi không được tham gia

hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng.

3. Các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định thành lập theo đề nghị của Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh. Các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh gồm: Ban Thư ký, Ban Đề thi, Ban Coi thi, Ban Chấm thi và Ban Phúc khảo.

4. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh:

Xét duyệt hồ sơ, lập danh sách thí sinh dự thi, ra đề thi, tổ chức coi thi, chấm thi, công bố kết quả thi, xét và đề nghị công nhận trúng tuyển báo cáo Hiệu trưởng.

5. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh:

- a. Phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quy định này;
- b. Quyết định và chịu trách nhiệm toàn bộ các hoạt động liên quan đến công tác tuyển sinh theo Quy định này;
- c. Thành lập và chỉ đạo trực tiếp các ban giúp việc.

6. Phó Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh phân công và thay mặt Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh giải quyết công việc khi Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh ủy quyền.

Điều 11. Ban Thư ký

1. Thành phần Ban Thư ký gồm: Trưởng ban là ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh và các ủy viên.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thư ký:

- a. Thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh giao;
- b. Nhận và xử lý hồ sơ của thí sinh; thu lệ phí thi, làm thẻ dự thi cho thí sinh;
- c. Nhận bài thi từ Ban Coi thi, bảo quản, kiểm kê bài thi;
- d. Thực hiện việc đôn túi, đánh số phách bài thi theo quy định của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh;
- đ. Bàn giao bài thi của thí sinh cho Ban Chấm thi và thực hiện các công tác nghiệp vụ theo quy định;
- e. Quản lý các giấy tờ, biên bản liên quan tới bài thi;
- g. Lập biên bản xử lý kết quả chấm thi;
- h. Làm báo cáo tình hình chấm thi trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh;
- i. Dự kiến phương án xét tuyển, điểm trúng tuyển và danh sách thí sinh trúng tuyển trình Hội đồng tuyển sinh xem xét;
- j. Thông báo kết quả xét tuyển, điểm thi cho thí sinh;
- k. Gửi giấy báo nhập học cho thí sinh trúng tuyển.

Chương 2: CÔNG TÁC ĐỀ THI

Điều 12. Ban Đề thi

1. Thành phần Ban Đề thi gồm: Trưởng ban là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh và các ủy viên làm nhiệm vụ: trưởng môn thi, ra đề thi, phản biện đề thi và các nhiệm vụ khác trong Ban đề thi.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Đề thi:
 - a. Ra đề thi theo quy định tại Điều 13 của Quy định này;
 - b. In, đóng gói, bảo quản, phân phối và sử dụng đề thi theo quy định tại Điều 13 của Quy định này;
 - c. Bảo quản đáp án của đề thi đã sử dụng và các đề thi, đáp án chưa sử dụng theo quy định bảo mật;
 - d. Từng ủy viên Ban Đề thi làm việc độc lập trong phạm vi công việc được Trưởng ban phân công.
3. Trách nhiệm và quyền hạn của Trưởng Ban Đề thi:
 - a. Tổ chức, chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác ra đề thi;
 - b. Bốc thăm chọn đề thi chính thức và dự bị;
 - c. Chỉ đạo xử lý các tình huống bất thường về đề thi;
 - d. Chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng tuyển sinh về chất lượng chuyên môn và quy trình bảo mật đề thi cùng toàn bộ các khâu trong công tác liên quan đến đề thi.
4. Người ra đề thi (bao gồm người soạn thảo ngân hàng đề thi, người giới thiệu đề nguồn, trưởng môn thi và người phản biện đề thi) phải đảm bảo các điều kiện sau:
 - a. Có chuyên môn phù hợp với môn thi, có tinh thần trách nhiệm, uy tín chuyên môn và có kinh nghiệm ra đề thi;
 - b. Ra đề thi môn cơ bản và ngoại ngữ phải có trình độ thạc sĩ trở lên; ra đề thi môn cơ sở phải có trình độ tiến sĩ;
 - c. Giữ bí mật về công tác ra đề thi, chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng đề thi; bị xử lý kỷ luật nếu ra đề thi sai hoặc vi phạm nguyên tắc, quy trình bảo mật đề thi.

Điều 13. Đề thi

1. Yêu cầu đối với đề thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ:
 - a. Phù hợp với chương trình đào tạo trình độ đại học, đánh giá và phân loại được trình độ của thí sinh;
 - b. Phù hợp với dạng thức đề thi quy định cho mỗi môn thi;
 - c. Bảo đảm tính khoa học, chính xác, rõ ràng, chặt chẽ, bám sát và bao quát nội dung trong đề cương môn thi đã được công bố trong Thông báo tuyển sinh;
 - d. Đề thi phải ghi rõ số điểm của mỗi câu hỏi;
 - đ. Đề thi phải ghi rõ có mấy trang (đối với đề thi có từ 02 trang trở lên) và có chữ "HẾT" tại điểm kết thúc đề;
 - e. Mỗi đề thi có đáp án và thang điểm kèm theo.
2. Dạng thức đề thi được nêu rõ trong Thông báo tuyển sinh.
3. Thang điểm của đề thi môn ngoại ngữ là thang điểm 100; thang điểm của đề thi các môn khác là thang điểm 10.
4. Thời gian làm bài thi: môn cơ bản, cơ sở là 180 phút; môn ngoại ngữ là 120 phút.
5. Đề thi được sử dụng từ ngân hàng đề thi hoặc ra đề độc lập:
 - a. Nếu sử dụng ngân hàng đề thi thì ngân hàng phải có tối thiểu 100 câu hỏi đối với hình thức thi tự luận hoặc có gấp 30 lần số lượng câu hỏi của mỗi đề thi đối với các hình thức thi khác để xây dựng tối thiểu 3 bộ đề thi cho mỗi môn thi; hoặc có tối thiểu 30 bộ đề thi hoàn chỉnh để chọn ngẫu nhiên lấy tối thiểu 3 đề thi;

b. Trong trường hợp ra đề độc lập, mỗi môn thi phải có tối thiểu 3 đề thi nguồn do 3 người khác nhau giới thiệu để trường môn thi tổ hợp thành 2 hoặc 3 đề thi. Chủ tịch hội đồng tuyển sinh trực tiếp mời người giới thiệu đề thi, tiếp nhận đề thi nguồn và giữ bí mật thông tin về người ra đề thi.

6. Quy trình làm đề thi; công tác bảo mật đề thi; in, đóng gói, bảo quản, phân phối và sử dụng đề thi; và xử lý các sự cố bất thường của đề thi theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương 3: CÔNG TÁC COI THI

Điều 14. Ban Coi thi

1. Thành phần Ban Coi thi gồm: Trưởng ban là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh, ủy viên thường trực, các ủy viên, cán bộ coi thi, cán bộ giám sát phòng thi, trật tự viên, cán bộ y tế, cán bộ phục vụ tại điểm thi.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Trưởng ban Coi thi:

a. Phân công nhiệm vụ và chỉ đạo hoạt động của các thành viên Ban coi thi, cán bộ coi thi, cán bộ giám sát phòng thi, trật tự viên, cán bộ y tế, cán bộ phục vụ tại điểm thi;

b. Điều hành toàn bộ công tác coi thi theo quy định;

c. Quyết định xử lý các tình huống xảy ra trong các buổi thi.

Điều 15. Lịch thi, lập danh sách thí sinh và làm thủ tục dự thi

1. Các môn thi được tổ chức trong các ngày thi liên tục. Lịch thi cụ thể của đợt thi được công khai trên website của Trường chậm nhất 3 tuần trước ngày thi môn đầu tiên.

2. Trước đợt thi chậm nhất 1 tuần, Hội đồng tuyển sinh phải chuẩn bị xong địa điểm thi, đủ số phòng thi cần thiết. Khu vực thi phải được bố trí tương đối độc lập, an toàn, yên tĩnh. Phòng thi được xếp theo môn thi; mỗi phòng thi có tối đa 40 thí sinh; khoảng cách giữa 2 thí sinh liền kề nhau trong phòng thi phải từ 1,2 m trở lên. Riêng phòng thi cuối cùng của mỗi môn thi được xếp đến 45 thí sinh.

3. Trước ngày thi, Ban Thư ký lập bản tổng hợp toàn bộ danh sách thí sinh dự thi, danh sách thí sinh của từng phòng thi. Mỗi phòng thi có 1 bản danh sách thí sinh dán tại cửa phòng thi và 1 bản danh sách kèm theo ảnh của thí sinh để trao cho cán bộ coi thi đối chiếu, kiểm tra trong các buổi thi.

4. Ngày đầu tiên của đợt thi, Ban Thư ký và Ban Coi thi có trách nhiệm phổ biến quy chế thi; hướng dẫn thí sinh đến phòng thi; phát thẻ dự thi, bổ sung, điều chỉnh những sai sót nếu có. Những điểm bổ sung và điều chỉnh, Ban Thư ký phải xác nhận vào phiếu đăng ký dự thi và cập nhật vào bản tổng hợp danh sách thí sinh dự thi.

Điều 16. Trách nhiệm của các thành viên trong Ban Coi thi

1. Cán bộ coi thi:

Cán bộ coi thi không được làm nhiệm vụ tại điểm thi nơi có người thân (vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột) dự thi, không được mang điện thoại di động trong khi làm nhiệm vụ; không được giúp đỡ thí sinh làm bài thi dưới bất kỳ hình thức nào; không được làm việc riêng, không được hút thuốc, uống bia, rượu, phải có mặt đúng

giờ và thường xuyên tại phòng thi để làm các nhiệm vụ theo trình tự sau đây:

a. Khi có hiệu lệnh, cán bộ coi thi thứ nhất gọi tên thí sinh vào phòng thi; cán bộ coi thi thứ hai kiểm tra các vật dụng thí sinh mang vào phòng thi, hướng dẫn thí sinh ngồi đúng chỗ quy định, tuyệt đối không để thí sinh mang vào phòng thi mọi tài liệu và vật dụng đã bị cấm theo quy định về trách nhiệm của thí sinh trong kỳ thi tại Điều 17 của Quy định này, sử dụng thẻ dự thi và danh sách có ảnh để đối chiếu, nhận diện thí sinh;

b. Khi có hiệu lệnh, cán bộ coi thi thứ nhất đi nhận đề thi, cán bộ coi thi thứ hai nhắc nhở thí sinh những điều cần thiết về kỷ luật phòng thi, ghi rõ họ tên và ký tên vào tất cả các tờ giấy thi và giấy nháp của thí sinh; hướng dẫn và kiểm tra thí sinh gấp giấy thi đúng quy cách, ghi số báo danh và điền đủ vào các mục cần thiết của giấy thi trước khi làm bài;

c. Khi có hiệu lệnh, cán bộ coi thi thứ nhất giơ cao phong bì đề thi để thí sinh thấy rõ cả mặt trước và mặt sau còn nguyên nhãn niêm phong; bóc phong bì đựng đề thi và phát đề thi cho từng thí sinh (trước khi phát đề thi cần kiểm tra số lượng đề thi, nếu thừa, thiếu hoặc lẫn đề khác, cần báo ngay cho ủy viên phụ trách điểm thi xử lý);

d. Khi thí sinh bắt đầu làm bài, cán bộ coi thi thứ nhất đối chiếu ảnh trong Thẻ dự thi với ảnh trong danh sách để nhận diện thí sinh, ghi rõ họ tên và ký vào tất cả giấy thi, giấy nháp của thí sinh. Cán bộ coi thi thứ hai bao quát chung (không thu Thẻ dự thi của thí sinh). Trong giờ làm bài, một cán bộ coi thi bao quát từ đầu phòng đến cuối phòng, còn người kia bao quát từ cuối phòng đến đầu phòng cho đến hết giờ thi. Cán bộ coi thi không đứng gần thí sinh khi họ làm bài. Khi thí sinh hỏi điều gì, cán bộ coi thi chỉ được trả lời công khai trong phạm vi quy định.

Việc ký và ghi họ tên vào các tờ giấy thi, giấy nháp được phát bổ sung cho thí sinh, cán bộ coi thi thực hiện theo quy trình quy định tại Điểm b, Điểm d Khoản 1 Điều này;

đ. Chỉ cho thí sinh ra khỏi phòng thi sớm nhất là sau 2/3 thời gian làm bài, sau khi thí sinh đã nộp bài làm và đề thi. Nếu có thí sinh bị đau ốm bất thường hoặc có nhu cầu chính đáng nhất thiết phải tạm thời ra khỏi phòng thi thì cán bộ coi thi phải báo cho cán bộ giám sát phòng thi để kịp thời báo cáo Ủy viên phụ trách điểm thi giải quyết;

e. Nếu có thí sinh vi phạm kỷ luật thì cán bộ coi thi phải lập biên bản xử lý theo đúng quy định. Nếu có tình huống bất thường phải báo cáo ngay Ủy viên phụ trách điểm thi hoặc Trưởng ban Coi thi giải quyết;

g. Mười lăm phút trước khi hết giờ làm bài, thông báo thời gian còn lại cho thí sinh biết;

h. Khi có hiệu lệnh kết thúc buổi thi phải yêu cầu thí sinh ngừng làm bài và thu bài của tất cả thí sinh, kể cả thí sinh đã bị thi hành kỷ luật. Cán bộ coi thi thứ hai duy trì trật tự và kỷ luật phòng thi. Cán bộ coi thi thứ nhất vừa gọi tên từng thí sinh lên nộp bài, vừa nhận bài thi của thí sinh. Khi nhận bài phải đếm đủ số tờ giấy thi của thí sinh đã nộp, yêu cầu thí sinh tự ghi đúng số tờ và ký tên vào bản danh sách theo dõi thí sinh. Khi nào thu xong toàn bộ bài thi mới cho phép các thí sinh rời phòng thi;

i. Các cán bộ coi thi kiểm tra sắp xếp bài thi theo thứ tự số báo danh. Các biên bản xử lý kỷ luật (nếu có) phải kèm theo bài thi của thí sinh. Cán bộ coi thi thứ nhất trực tiếp mang túi bài thi và cùng cán bộ coi thi thứ hai đến bàn giao bài thi cho Ủy viên Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh trường ngay sau mỗi buổi thi. Mỗi túi bài thi phải được kiểm tra công

khai và đối chiếu số bài và số tờ của từng bài kèm theo bản theo dõi thí sinh và các biên bản xử lý kỷ luật cùng tang vật (nếu có);

k. Sau khi bàn giao xong bài thi, từng túi đựng bài thi được các Ủy viên Ban Thư ký niêm phong tại chỗ. Mỗi túi bài thi dán 3 nhãn niêm phong vào chính giữa 3 mép dán. Trên mỗi nhãn phải đóng dấu niêm phong vào bên phải và bên trái của nhãn (một nửa dấu in trên nhãn, một nửa dấu in trên túi bài thi). Ủy viên Ban Thư ký và 2 cán bộ coi thi ghi rõ họ tên và ký vào biên bản bàn giao. Tuyệt đối không được để nhầm lẫn, mất mát bài thi;

l. Sau giờ thi đầu tiên của mỗi môn, cán bộ coi thi thứ nhất báo cáo tình hình phòng thi cho Ủy viên phụ trách điểm thi;

m. Các cán bộ coi thi phải bảo vệ đề thi trong khi thi, không để lọt đề thi ra ngoài phòng thi. Cán bộ coi thi thứ nhất nộp các đề thi thừa cho Ủy viên phụ trách điểm thi để niêm phong tại phòng thi và giao cho Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh. Các cán bộ coi thi và những người làm nhiệm vụ phục vụ kỳ thi không được thảo luận, sao chép, giải đề, mang đề ra ngoài hoặc giải thích đề thi cho thí sinh.

2. Cán bộ giám sát phòng thi:

Cán bộ giám sát phòng thi thay mặt Ủy viên phụ trách điểm thi thường xuyên giám sát việc thực hiện Quy định tuyển sinh của trật tự viên, cán bộ coi thi và thí sinh; kiểm tra và nhắc nhở cán bộ coi thi thu giữ các tài liệu và phương tiện kỹ thuật do thí sinh mang trái phép vào phòng thi; lập biên bản xử lý kỷ luật đối với cán bộ coi thi và thí sinh vi phạm quy chế.

3. Trật tự viên:

a. Người được phân công bảo vệ vòng nào có trách nhiệm giữ gìn trật tự an ninh tại vòng đó, không được hoạt động sang các vòng khác;

b. Không để bất kỳ người nào không có trách nhiệm vào khu vực thi và đến gần phòng thi. Không bỏ vị trí, không tiếp khách trong khi làm nhiệm vụ. Không được đi vào phòng thi; không trao đổi liên hệ với thí sinh. Không có trách nhiệm đối với những vấn đề thuộc nội dung, tổ chức và chỉ đạo thi;

c. Kịp thời báo cáo Ủy viên phụ trách điểm thi về các tình huống xảy ra trong lúc thi để kịp thời xử lý.

4. Cán bộ y tế:

a. Có mặt thường xuyên trong suốt kỳ thi tại địa điểm do Hội đồng tuyển sinh quy định để xử lý các trường hợp thí sinh đau ốm;

b. Khi Ủy viên phụ trách điểm thi thông báo có thí sinh đau ốm bất thường trong lúc đang thi, cán bộ y tế phải đến ngay để kịp thời điều trị hoặc cho đi bệnh viện cấp cứu, nếu cần thiết.

Điều 17. Trách nhiệm của thí sinh trong kỳ thi

1. Thí sinh phải có mặt theo đúng thời gian và địa điểm được thông báo để làm thủ tục dự thi, bao gồm:

a. Xuất trình Giấy chứng minh thư hoặc Hộ chiếu;

b. Nhận Thẻ dự thi;

c. Nhận phòng thi và nghe phổ biến quy chế thi;

d. Nếu thấy có những sai sót hoặc nhầm lẫn về họ, tên, chữ đệm, ngày, tháng,

năm sinh, ngành học,... thí sinh phải báo cáo Hội đồng tuyển sinh để điều chỉnh ngay. Trường hợp bị mất Thẻ dự thi hoặc các giấy tờ cần thiết khác, thí sinh phải báo cáo và làm cam đoan để Ủy viên phụ trách điểm thi xem xét, xử lý.

2. Thí sinh phải có mặt tại địa điểm thi đúng ngày, giờ quy định. Thí sinh đến chậm quá 15 phút sau khi đã bốc đề thi không được dự thi. Vắng mặt một buổi thi, không được thi tiếp các buổi sau.

3. Khi vào phòng thi, thí sinh phải tuân thủ các quy định sau đây:

a. Trình Thẻ dự thi cho cán bộ coi thi;

b. Xuất trình Giấy chứng minh thư hoặc Hộ chiếu khi cán bộ coi thi yêu cầu;

c. Chỉ được mang vào phòng thi bút viết, bút chì, compa, tẩy, thước kẻ, thước tính, máy tính bỏ túi không có thẻ nhớ cắm thêm vào và không soạn thảo được văn bản; các loại máy ghi âm và ghi hình chỉ có chức năng ghi thông tin mà không truyền được thông tin và không nhận được tín hiệu âm thanh và hình ảnh trực tiếp nếu không có thiết bị hỗ trợ khác;

d. Không được mang vào phòng thi vũ khí, chất gây nổ, gây cháy, bia, rượu, giấy than, bút xóa, tài liệu, thiết bị truyền tin hoặc chứa thông tin có thể lợi dụng để gian lận trong quá trình làm bài thi và quá trình chấm thi. Không được hút thuốc trong phòng thi;

đ. Trước khi làm bài thi phải ghi đầy đủ số báo danh (cả phần chữ và phần số) vào giấy thi, giấy nháp;

e. Bài làm phải viết rõ ràng, sạch sẽ, không nhàu nát, không đánh dấu hoặc làm ký hiệu riêng. Nghiêm cấm làm bài bằng 2 thứ mực, mực đỏ, bút chì (trừ hình tròn vẽ bằng com pa được dùng bút chì). Các phần viết hỏng phải dùng thước gạch chéo, không dùng bút xóa.

Phải bảo vệ bài làm của mình và nghiêm cấm mọi hành vi gian lận, không được xem bài của thí sinh khác, không được trao đổi ý kiến, trao đổi tài liệu khi làm bài;

g. Nếu cần hỏi cán bộ coi thi điều gì phải hỏi công khai. Phải giữ gìn trật tự, im lặng trong phòng thi. Trường hợp ốm đau bất thường phải báo cáo để cán bộ coi thi xử lý;

h. Khi hết giờ thi phải ngừng làm bài và nộp bài cho cán bộ coi thi. Không làm được bài, thí sinh cũng phải nộp giấy thi. Khi nộp bài, thí sinh phải tự ghi rõ số tờ giấy thi đã nộp và ký tên xác nhận vào bản danh sách theo dõi thí sinh;

i. Thí sinh chỉ được ra khỏi phòng thi và khu vực thi sau 2/3 thời gian làm bài và sau khi đã nộp bài làm, đề thi cho cán bộ coi thi, trừ trường hợp ốm đau cần cấp cứu do người phụ trách điểm thi quyết định.

Chương 4: CÔNG TÁC CHẤM THI

Điều 18. Ban Chấm thi

1. Thành phần Ban chấm thi gồm: Trưởng ban là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh, ủy viên thường trực, các ủy viên làm nhiệm vụ Trưởng môn chấm thi, cán bộ chấm thi và các nhiệm vụ khác có liên quan đến công tác chấm thi.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Chấm thi: Thực hiện các nội dung được quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Quy định này.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Trưởng ban Chấm thi:

a. Phân công nhiệm vụ và chỉ đạo hoạt động của các thành viên Ban Chấm thi và trường môn chấm thi;

b. Điều hành công tác chấm thi;

c. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng tuyển sinh về chất lượng, tiến độ và quy trình chấm thi.

4. Trách nhiệm và quyền hạn của Trường môn chấm thi: Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh và Trưởng ban Chấm thi về việc chấm các bài thi thuộc môn mình phụ trách theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Quy định này.

5. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ chấm thi:

a. Cán bộ chấm thi phải là giảng viên đang giảng dạy môn thi được phân công chấm, có trình độ chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm, trung thực, khách quan;

b. Thành viên Ban Thư ký không tham gia chấm thi;

c. Trường có thể mời giảng viên của các cơ sở đào tạo thạc sĩ khác, đáp ứng các điều kiện quy định tại Điểm a, Khoản 5 Điều này tham gia chấm thi;

d. Cán bộ chấm thi phải thực hiện các quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Quy định này.

Điều 19. Khu vực chấm thi

1. Khu vực chấm thi bao gồm nơi chấm thi và nơi bảo quản bài thi. Nơi chấm thi và nơi bảo quản bài thi cần được bố trí gần nhau, có đủ phương tiện phòng cháy, chữa cháy, bảo mật và bảo quản bài thi.

2. Tuyệt đối không được mang tài liệu, giấy tờ riêng và các loại bút không nằm trong quy định của Ban Chấm thi khi vào và ra khỏi khu vực chấm thi.

Điều 20. Thang điểm chấm thi và xử lý kết quả chấm thi

1. Thang điểm chấm thi:

a. Thang điểm chấm thi môn cơ bản và môn cơ sở là thang điểm 10, của môn ngoại ngữ là thang điểm 100. Các ý nhỏ được chấm điểm lẻ đến 0,25 điểm;

b. Cán bộ chấm bài thi theo thang điểm và đáp án chính thức đã được Trưởng ban Chấm thi phê duyệt.

2. Quy trình chấm thi: theo quy trình 2 vòng độc lập.

3. Xử lý kết quả chấm thi: Ban Thư ký so sánh kết quả 2 lần chấm thi và xử lý kết quả chấm thi như sau:

a. Nếu kết quả 2 lần chấm thi giống nhau thì giao túi bài thi cho 2 cán bộ chấm thi ghi điểm vào bài thi rồi cùng ký tên xác nhận vào bài thi; Trường hợp điểm toàn bài giống nhau nhưng điểm thành phần lệch nhau thì 2 cán bộ chấm thi cùng kiểm tra và thống nhất lại điểm theo đáp án quy định;

b. Nếu kết quả 2 lần chấm lệch nhau đến 0,5 điểm (theo thang điểm 10) hoặc đến 5 điểm (theo thang điểm 100) thì rút bài thi đó cùng phiếu chấm lần thứ nhất rồi giao cho Trường môn chấm thi quyết định điểm cuối cùng. Trường môn chấm thi ghi điểm vào bài thi và ký tên xác nhận vào bài thi;

c. Nếu kết quả 2 lần chấm lệch nhau từ 1 điểm trở lên (theo thang điểm 10) hoặc từ trên 5 điểm trở lên (theo thang điểm 100) thì rút bài thi đó cùng phiếu chấm lần thứ nhất rồi giao cho Trường môn chấm thi tổ chức chấm lần thứ ba trực tiếp vào

bài làm của thí sinh bằng mực màu khác. Trong trường hợp này, nếu kết quả của 2 trong số 3 lần chấm giống nhau thì lấy điểm giống nhau làm điểm chính thức. Nếu kết quả của 2 trong 3 lần chấm vẫn lệch nhau thì Trưởng môn chấm thi lấy điểm trung bình cộng của 3 lần chấm làm điểm cuối cùng. Trưởng môn chấm thi ghi điểm vào bài thi và ký tên xác nhận;

- d. Những bài cộng điểm sai phải sửa lại ngay;
- đ. Không thực hiện việc làm tròn điểm.

Điều 21. Công bố điểm thi và thời hạn phúc khảo

1. Công bố điểm thi:

a. Sau khi hoàn thành công tác chấm thi, Ban Chấm thi bàn giao kết quả chấm thi, bài thi, phiếu chấm thi và các giấy tờ liên quan cho Ban Thư ký;

b. Ban Thư ký kiểm tra kết quả chấm thi do Ban Chấm thi chuyển tới, ráp phách và trình kết quả thi cho Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh duyệt trước khi công bố điểm thi trên website của Trường.

2. Thời hạn phúc khảo:

a. Sau khi công bố điểm thi, Hội đồng tuyển sinh nhận đơn khiếu nại về điểm thi của thí sinh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công bố điểm và phải trả lời đương sự chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày hết hạn nhận đơn;

b. Thí sinh nộp đơn xin phúc khảo phải nộp lệ phí theo quy định. Nếu sau khi chấm lại phải sửa điểm bài thi thì Hội đồng tuyển sinh hoàn lại khoản lệ phí này cho thí sinh.

Điều 22. Ban Phúc khảo

1. Thành phần của Ban Phúc khảo gồm: Trưởng ban là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh, ủy viên thường trực và các ủy viên là cán bộ chấm phúc khảo.

a. Cán bộ chấm phúc khảo phải đủ các tiêu chuẩn đã quy định tại Điểm a, Khoản 5 Điều 18 của Quy định này.

b. Trưởng ban Phúc khảo và các ủy viên Ban Phúc khảo chưa tham gia Ban chấm thi lần đầu.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Phúc khảo:

a. Kiểm tra các sai sót khi chấm lần đầu như: cộng sai điểm, ghi nhầm điểm bài thi của thí sinh;

b. Chấm lại bài thi do thí sinh đề nghị;

c. Chấm bài thi thất lạc nay tìm thấy;

d. Trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định điểm bài thi sau khi phúc khảo.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Trưởng ban Phúc khảo: Điều hành công tác chấm phúc khảo và chịu trách nhiệm trước Hội đồng tuyển sinh về chất lượng, tiến độ và quy trình chấm phúc khảo.

4. Cán bộ chấm phúc khảo phải thực hiện các quy định tại Điều 23 của Quy định này.

Điều 23. Tổ chức phúc khảo và điều chỉnh điểm bài thi

1. Tổ chức phúc khảo:

a. Việc tổ chức phúc khảo tiến hành theo từng môn thi dưới sự điều hành trực tiếp của Trưởng ban Phúc khảo. Địa điểm làm việc của ban Phúc khảo do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quy định và cũng được bảo vệ như khu vực chấm thi;

b. Trước khi bàn giao bài thi cho ban Phúc khảo, ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh tiến hành các việc sau đây:

- Rút bài thi, đối chiếu với danh sách theo dõi thí sinh để kiểm tra đối chiếu số tờ giấy thi.

- Kiểm tra sơ bộ tình trạng bài thi, đối chiếu những phần thí sinh xin phúc khảo trong bài thi và trong đơn. Cộng lại các điểm thành phần, đối chiếu với điểm đã công bố để phát hiện xem có sai sót hoặc xô phách không. Nếu phát hiện có sự bất thường thì lập biên bản báo cáo để Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định.

- Phô tô nguyên văn các bài thi, tập hợp các bài thi (bản sao) của một môn thi vào một túi hoặc nhiều túi, ghi rõ số bài thi và số tờ của từng bài thi hiện có trong túi và bàn giao cho Ban Phúc khảo. Việc giao nhận bài thi giữa ban Thư ký và ban Phúc khảo cần theo đúng các thủ tục quy định như khi chấm đợt đầu.

- Trong khi tiến hành các công việc liên quan đến việc phúc khảo phải có ít nhất từ 2 người trở lên. Tuyệt đối giữ bí mật về quan hệ giữa số báo danh và số phách, địa danh bài thi và không được ghép đầu phách.

Việc phúc khảo mỗi bài thi do 2 cán bộ chấm thi thực hiện riêng biệt.

c. Xử lý kết quả chấm phúc khảo: thực hiện theo Khoản 3 Điều 20 của Quy định này.

2. Điều chỉnh điểm bài thi:

Sau khi công bố điểm thi nếu phát hiện có sự nhầm lẫn hay sai sót về điểm bài thi, ban Phúc khảo phải xem xét và chỉ điều chỉnh lại điểm bài thi (lên hoặc xuống) trong các trường hợp sau:

a. Cộng hoặc ghi điểm vào biên bản chấm thi không chính xác;

b. Thất lạc bài thi nay tìm thấy hoặc thiếu bài thi do lỗi của Hội đồng tuyển sinh nay đã được thi bổ sung và chấm xong;

c. Điểm phúc khảo đã được Trưởng ban Phúc khảo ký xác nhận là điểm chính thức hoặc đã được Trưởng ban Phúc khảo trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh ký duyệt sau khi đối thoại giữa 2 cặp chấm.

Điểm được điều chỉnh do Trưởng ban Phúc khảo trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định, sau đó thông báo cho thí sinh.

Chương 5: CÔNG TÁC XÉT TUYỂN

Điều 24. Điều kiện trúng tuyển

1. Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt 50% của thang điểm đối với mỗi môn thi (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có).

2. Căn cứ vào chỉ tiêu đã được thông báo cho từng ngành, chuyên ngành đào tạo và tổng điểm 2 môn thi của từng thí sinh (không cộng điểm môn ngoại ngữ), Hội đồng tuyển sinh xác định phương án điểm trúng tuyển.

3. Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm 2 môn thi nêu trên (đã cộng cả điểm ưu tiên, nếu có) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

- a. Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại Khoản 4, Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới;
- b. Người có điểm cao hơn của môn cơ bản;
- c. Người được miễn thi ngoại ngữ hoặc người có điểm cao hơn của môn ngoại ngữ.

Điều 25. Điều kiện xét tuyển

1. Công dân nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Trường được Hiệu trưởng căn cứ vào ngành đào tạo, kết quả học tập ở trình độ đại học; trình độ ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo và trình độ tiếng Việt để xét tuyển.

2. Trường hợp có điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế về việc tiếp nhận công dân nước ngoài đến Việt Nam học tập ở trình độ thạc sĩ thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác đó.

Điều 26. Quyết định trúng tuyển và công nhận học viên

1. Chủ tịch hội đồng tuyển sinh báo cáo Hiệu trưởng kết quả xét tuyển, thi tuyển; dự kiến phương án xác định điểm trúng tuyển, dự kiến danh sách thí sinh trúng tuyển. Hiệu trưởng quyết định phương án xác định điểm trúng tuyển, ký duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển và công khai trên website của Trường.

2. Trường gửi giấy báo nhập học đến các thí sinh trong danh sách trúng tuyển trước ngày nhập học tối thiểu 15 ngày.

3. Hiệu trưởng ra quyết định công nhận học viên của khóa đào tạo cho những thí sinh trúng tuyển đã đăng ký nhập học.

Chương 6: CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 27. Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát tuyển sinh

1. Hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát nội bộ các khâu trong công tác tuyển sinh.

2. Những người có người thân (bố, mẹ; vợ, chồng; con; anh, chị, em ruột) dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ không được tham gia công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tuyển sinh.

Điều 28. Xử lý cán bộ tuyển sinh vi phạm quy định

1. Người tham gia công tác tuyển sinh có hành vi vi phạm quy chế (bị phát hiện trong khi làm nhiệm vụ hoặc sau kỳ thi tuyển sinh), nếu có đủ chứng cứ, tùy theo mức độ, sẽ bị cơ quan quản lý cán bộ áp dụng quy định tại Luật viên chức, Luật cán bộ, công chức và các văn bản quy định về xử lý kỷ luật viên chức, công chức và Nghị định số 138/2013/NĐ-CP ngày 22/10/2013 của Chính phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giáo dục; theo các hình thức sau đây:

- a. Khiển trách đối với những người phạm lỗi nhẹ trong khi thi hành nhiệm vụ;
- b. Cảnh cáo đối với những người vi phạm một trong các lỗi sau đây:

- Để cho thí sinh tự do quay cóp, mang và sử dụng tài liệu hoặc các phương tiện kỹ thuật thu, phát, truyền tin, ghi âm... tại phòng thi, bị cán bộ giám sát phòng thi hoặc cán bộ thanh tra tuyển sinh phát hiện và lập biên bản.

- Chấm thi hoặc cộng điểm bài thi có nhiều sai sót.

- Ra đề thi vượt quá phạm vi chương trình đại học.

c. Tùy theo mức độ vi phạm có thể bị hạ bậc lương, hạ ngạch, cách chức hoặc chuyển đi làm công tác khác (nếu là cán bộ công chức, viên chức trong các cơ quan doanh nghiệp Nhà nước) đối với những người vi phạm một trong các lỗi sau đây:

- Ra đề thi sai.

- Trực tiếp giải bài rồi hướng dẫn cho thí sinh lúc đang thi.

- Lấy bài thi của thí sinh làm được giao cho thí sinh khác.

- Gian lận khi chấm thi, cho điểm không đúng quy định, vượt khung hoặc hạ điểm của thí sinh.

d. Buộc thôi việc hoặc bị xử lý theo pháp luật đối với người có 1 trong các hành vi sai phạm sau đây:

- Đưa đề thi ra ngoài khu vực thi hoặc đưa bài giải từ ngoài vào phòng thi trong lúc đang thi.

- Làm lộ đề thi, mua, bán đề thi.

- Làm lộ số phách bài thi.

- Sửa chữa, thêm, bớt vào bài làm của thí sinh.

- Chữa điểm trên bài thi, trên biên bản chấm thi hoặc trong sổ điểm.

- Đánh tráo bài thi, số phách hoặc điểm thi của thí sinh.

- Gian dối trong việc xét tuyển và triệu tập thí sinh trúng tuyển.

Cán bộ tuyển sinh làm mất bài thi của thí sinh khi thu bài thi, vận chuyển, bảo quản, chấm thi hoặc có những sai phạm khác trong công tác tuyển sinh, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo một trong các hình thức kỷ luật quy định tại Điều này.

đ. Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh và các cán bộ có liên quan thuộc Ban Đề thi, Ban Chấm thi hoặc giảng viên ngoài trường nhận làm đề thi tuyển sinh và chấm thi cho trường, nếu vi phạm các quy định hiện hành về ra đề thi, chấm thi đều bị xử lý theo các hình thức tương ứng của Điều này.

2. Các hình thức xử lý vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này do cơ quan quản lý cán bộ ra quyết định theo thông báo về sai phạm của cơ quan tổ chức kỳ thi, có thể kèm theo việc cấm đảm nhiệm những công việc có liên quan đến thi cử từ 1 đến 5 năm.

Điều 29. Xử lý thí sinh dự thi vi phạm quy định

Đối với những thí sinh vi phạm quy định đều phải lập biên bản và tùy mức độ nặng nhẹ xử lý kỷ luật theo các hình thức sau đây:

1. Khiển trách áp dụng đối với những thí sinh phạm lỗi 1 lần: nhìn bài của bạn, trao đổi với bạn (hình thức này do cán bộ coi thi quyết định tại biên bản được lập). Thí sinh bị khiển trách trong khi thi môn nào sẽ bị trừ 25% số điểm thi của môn đó.

2. Cảnh cáo đối với các thí sinh vi phạm một trong các lỗi sau đây:

a. Đã bị khiển trách 1 lần nhưng trong giờ thi môn đó vẫn tiếp tục vi phạm Quy định;

- b. Trao đổi bài làm hoặc giấy nháp cho thí sinh khác;
- c. Chép bài của thí sinh khác. Những bài thi đã có kết luận là giống nhau thì xử lý như nhau. Nếu người bị xử lý có đủ bằng chứng chứng minh mình bị quay cóp thì Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh có thể xem xét giảm từ mức kỷ luật cảnh cáo xuống mức khiển trách.

Người bị kỷ luật cảnh cáo trong khi thi môn nào sẽ bị trừ 50% số điểm thi của môn đó.

Hình thức kỷ luật cảnh cáo do cán bộ coi thi lập biên bản, thu tang vật và ghi rõ hình thức kỷ luật đã đề nghị trong biên bản.

3. Đình chỉ thi đối với các thí sinh vi phạm một trong các lỗi sau đây:

- a. Đã bị cảnh cáo 1 lần nhưng trong giờ thi môn đó vẫn tiếp tục vi phạm Quy định;
- b. Mang vật dụng trái phép theo quy định tại Điểm d, Khoản 3, Điều 17 vào phòng thi;
- c. Đưa đề thi ra ngoài khu vực thi hoặc nhận bài giải từ ngoài vào phòng thi;
- d. Viết vẽ những nội dung không liên quan đến bài thi;
- đ. Có hành động gây gổ, đe dọa cán bộ có trách nhiệm trong kỳ thi hay đe dọa thí sinh khác.

Hình thức đình chỉ thi do cán bộ coi thi lập biên bản, thu tang vật và do Ủy viên phụ trách điểm thi quyết định.

Thí sinh bị kỷ luật đình chỉ thi trong khi thi môn nào sẽ bị điểm không (0) môn đó; phải ra khỏi phòng thi ngay sau khi có quyết định của Ủy viên phụ trách điểm thi; phải nộp bài làm, đề thi và giấy nháp cho cán bộ coi thi và chỉ được ra khỏi khu vực thi sau 2/3 thời gian làm bài môn đó; không được thi các môn tiếp theo; không được dự các đợt thi kế tiếp trong năm đó tại trường hay các trường khác.

4. Tước quyền vào học ở các trường ngay trong năm đó và tước quyền tham dự kỳ thi tuyển sinh vào các trường trong 2 năm tiếp theo hoặc đề nghị các cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những thí sinh vi phạm 1 trong các lỗi sau đây:

- a. Có hành vi giả mạo hồ sơ để hưởng chính sách ưu tiên;
- b. Sử dụng văn bằng tốt nghiệp không hợp pháp;
- c. Nhờ người khác thi hộ hoặc làm bài hộ cho người khác dưới mọi hình thức; sửa chữa, thêm bớt vào bài làm sau khi đã nộp bài; dùng bài của người khác để nộp.
- d. Có hành động phá hoại kỳ thi, hành hung cán bộ hoặc thí sinh khác.
- đ. Sử dụng giấy chứng nhận kết quả thi không hợp pháp;

Hình thức kỷ luật này do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định;

e. Đối với các trường hợp vi phạm khác, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh xử lý kỷ luật theo các hình thức đã quy định tại Điều này.

Việc xử lý kỷ luật thí sinh phải được công bố cho thí sinh biết. Nếu thí sinh không chịu ký tên vào biên bản thì 2 cán bộ coi thi ký vào biên bản. Nếu giữa cán bộ coi thi và Ủy viên phụ trách điểm thi không nhất trí về cách xử lý thì ghi rõ ý kiến 2 bên vào biên bản để báo cáo Trường ban Coi thi quyết định.

Điều 30. Xử lý các trường hợp phát hiện được trong khi chấm thi

Ban Thư ký, Ban Chấm thi có trách nhiệm phát hiện và báo cáo Trưởng ban Chấm thi những bài thi có biểu hiện vi phạm Quy định cần xử lý, ngay cả khi không có biên bản của Ban Coi thi. Sau khi Trưởng ban Chấm thi đã xem xét và kết luận về các trường hợp vi phạm thì xử lý theo các hình thức:

1. Trừ điểm đối với bài thi:

Những bài thi bị nghi vấn có dấu hiệu đánh dấu thì tổ chức chấm tập thể, nếu đủ căn cứ xác đáng để các cán bộ chấm thi và Trưởng môn chấm thi kết luận là lỗi cố ý của thí sinh thì bị trừ 50% điểm toàn bài.

2. Cho điểm (0) đối với những phần của bài thi hoặc toàn bộ bài thi:

- a. Chép từ các tài liệu mang trái phép vào phòng thi;
- b. Những phần của bài thi viết trên giấy nháp, giấy không đúng quy định;
- c. Nộp 2 bài cho 1 môn thi hoặc bài thi viết bằng các loại chữ, loại mực khác nhau.

3. Hủy bỏ kết quả thi của cả 3 môn thi đối với những thí sinh:

- a. Phạm các lỗi quy định tại Khoản 2 Điều này nhưng từ 2 môn thi trở lên;
- b. Viết vẽ những nội dung không liên quan đến bài thi.

4. Đối với những bài thi nhàu nát hoặc nghi có đánh dấu (ví dụ: viết bằng 2 thứ mực hoặc có nếp gấp khác thường) thì tổ chức chấm tập thể. Nếu Trưởng môn và 2 cán bộ chấm thi xem xét kết luận có bằng chứng tiêu cực thì trừ điểm theo quy định. Nếu do thí sinh khác giằng xé làm nhàu nát thì căn cứ biên bản coi thi, tiến hành chấm bình thường và công nhận kết quả.
